

VN-Index 1811.15 (1.28%)

683 Tr. cổ phiếu 16796.3 Tỷ VND (-14.37%)

HNX-Index 274.13 (0.81%)

42 Tr. cổ phiếu 735.9 Tỷ VND (10.24%)

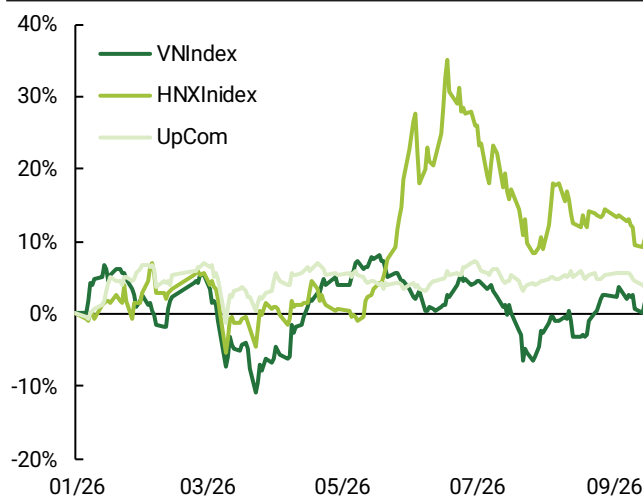
UPCOM-Index 125.47 (-0.13%)

24 Tr. cổ phiếu 358.2 Tỷ VND (-22.15%)

VN30F1M 1948.10 (0.89%)

207,863 HD OI: 26,308 HD

% Hiệu suất từ đầu năm 2026 của các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1811.2, tăng +22.9 điểm (+1.28%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. Đà tăng cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Sắc xanh trở lại với mặt bằng cổ phiếu, dẫn dắt bởi các nhóm ngành hưởng lợi từ diễn biến địa chính trị như Dầu khí, Hóa chất. Dòng tiền từ đó cũng cải thiện hơn ở các nhóm ngành khác.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: BID (+2.9%), LPB (+3.3%), SSB (+6.9%) | Dầu khí: PVD (+3.7%), PLX (+6.0%), BSR (+6.8%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: PVP (+4.7%), VOS (+6.6%), GEE (+6.9%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: NT2 (+1.2%), GAS (+6.7%) | Hóa chất: GVR (+3.3%), DCM (+4.1%), DPM (+4.5%). Diễn biến yếu trong phiên: Bất động sản: DXS (-2.1%), KBC (-1.5%), KOS (-1.1%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, VCB, BSR, BID, CTG - Chiều giảm | VHM, VIC, CRV, STB, FRT.
- Khối ngoại Mua ròng hơn 700 tỷ đồng, tập trung nhiều ở VCB, BSR, BID, trong khi bán ròng VIC, VHM, STB.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** phục hồi trở lại trên ngưỡng 1800 điểm. Về mặt cấu trúc, phản ứng bật tăng từ vùng hỗ trợ 1780 - 1800 điểm phù hợp kỹ thuật. Tuy nhiên, thanh khoản chưa cải thiện tương xứng cho thấy dòng tiền vẫn thận trọng, trong khi các chỉ báo động lượng cũng chưa chuyển biến tích cực rõ ràng. Do đó, VN-Index cần chinh phục vùng cản gần quanh 1820 - 1840 điểm để xác nhận đà hồi phục. Nếu bứt phá thành công, sẽ củng cố tín hiệu thoát khỏi nhịp điều chỉnh, trái lại, sự suy yếu tại đây cho thấy áp lực điều chỉnh khả năng vẫn chi phối trong các phiên tới.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số kiểm định tốt ngưỡng hỗ trợ quan trọng quanh khu vực 270. Dù vậy, cần thêm nến tăng vượt ngưỡng 278 để xác nhận mẫu hình. Trái lại, nếu giá quay lại mất mốc 270, đà giảm có thể mở rộng về khu vực 260 điểm.
- Chiến lược:** Nhà đầu tư nên quản trị danh mục theo tín hiệu riêng của từng cổ phiếu trước bối cảnh phân hóa. Nếu xuất hiện mã sập gãy, cần cân nhắc hạ bớt tỷ trọng để kiểm soát rủi ro. Ngược lại, với những cổ phiếu vẫn giữ được các ngưỡng hỗ trợ quan trọng, có thể tiếp tục nắm giữ. Ở chiều mua mới, chỉ phù hợp khẩu vị rủi ro cao và ưu tiên giao dịch ngắn hạn theo dòng tiền. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Dầu khí, Hóa chất.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua PLX, PVD (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước		Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																
VN-Index	1,811.2	▲	1.3%	-1.1%	4.7%	16,796.3	▼	-14.4%	17.8%	-13.5%	683.4	▼	-21.7%	21.7%	-7.4%	
HNX-Index	274.1	▬	0.8%	-2.5%	-2.1%	735.9	▲	10.2%	14.9%	-24.4%	42.2	▲	2.8%	-9.5%	-28.1%	
UPCOM-Index	125.5	▼	-0.1%	-1.7%	-1.3%	358.2	▼	-22.2%	-42.5%	-26.8%	23.6	▲	16.0%	-15.2%	-38.8%	
VN30	1,951.1	▲	1.2%	-0.9%	4.0%	10,063.2	▼	-3.6%	28.4%	-10.1%	293.6	▼	-12.8%	44.7%	1.5%	
VNMID	1,863.3	▲	1.1%	-3.0%	-2.8%	5,455.5	▼	-18.9%	12.2%	-22.3%	279.1	▼	-26.1%	12.4%	-24.0%	
VNSML	1,225.1	▬	1.0%	-1.6%	-2.1%	858.8	▼	-57.5%	-8.2%	-5.7%	55.9	▼	-40.1%	-39.8%	-19.8%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	633.9	▲	1.9%	0.74%	1.8%	5,530.9	▼	-1.8%	11.9%	28.7%	233.0	▼	-9.8%	8.0%	21.5%	
Bất động sản	1,028.3	▼	-0.1%	-3.3%	13.9%	2,959.5	▼	-6.2%	-6.4%	4.1%	76.6	▼	-27.3%	-18.8%	-6.6%	
Dịch vụ tài chính	270.3	▲	1.0%	-4.8%	-3.8%	1,682.4	▼	-41.4%	-12.9%	-9.5%	103.8	▼	-42.3%	-8.3%	0.6%	
Công nghiệp	224.8	▲	3.2%	0.5%	-2.5%	1,410.3	▲	3.7%	46.1%	68.0%	58.2	▲	2.9%	44.8%	80.3%	
Tài nguyên cơ bản	468.8	▲	1.3%	-2.8%	-0.3%	425.2	▼	-35.4%	-24.8%	-13.1%	25.0	▼	-33.9%	-20.2%	-7.1%	
Xây dựng - Vật Liệu	151.8	▲	2.2%	-1.6%	-3.3%	292.0	▼	-53.0%	-31.4%	-22.4%	18.5	▼	-53.2%	-33.4%	-20.2%	
Thực phẩm	492.5	▬	0.7%	-0.9%	0.5%	581.4	▼	-28.9%	-24.3%	-35.1%	14.8	▼	-29.6%	-29.7%	-33.9%	
Bán Lẻ	1,342.1	▲	1.5%	-2.7%	-8.0%	493.7	▼	-71.0%	-34.2%	-4.1%	9.6	▼	-62.6%	-21.6%	22.6%	
Công nghệ	391.0	▬	0.5%	0.5%	5.6%	366.7	▼	-33.4%	-36.4%	-24.4%	5.7	▼	-66.3%	-44.0%	-38.5%	
Hóa chất	165.3	▲	2.7%	-1.6%	1.7%	489.2	▲	37.1%	21.4%	53.2%	21.3	▲	25.1%	26.4%	79.5%	
Tiện ích	791.8	▲	4.0%	4.3%	9.8%	442.8	▲	12.1%	21.8%	43.7%	11.2	▼	-45.1%	-26.0%	-13.6%	
Dầu khí	119.1	▲	6.4%	10.3%	16.1%	1,368.3	▲	88.6%	67.66%	149.4%	48.0	▲	80.6%	62.0%	130.8%	
Dược phẩm	386.7	▲	1.0%	-0.2%	-0.7%	173.4	▲	392.0%	155.7%	280.7%	6.9	▲	304.0%	137.6%	249.7%	
Bảo hiểm	108.9	▲	3.0%	8.9%	6.7%	88.2	▼	-8.2%	62.9%	158.5%	1.5	▼	-9.6%	48.6%	117.5%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,811.2 ▲	1.28%	1.5%	13.6x	2.0x
SET-Index	Thái Lan	1,579 ▼	-0.78%	25.3%	15.0x	1.5x
JCI-Index	Indonesia	6,461 ▼	-1.13%	-25.3%	14.6x	1.8x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,444 ▼	-0.92%	1.1%	15.1x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,008 ▼	-1.11%	-0.7%	9.1x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	3,864 ▼	-0.54%	-2.6%	16.7x	1.5x
Hang Seng	Hồng Kông	24,667 ▼	-1.00%	-3.8%	12.2x	1.3x
Nikkei 225	Nhật Bản	63,484 ▼	-0.01%	26.1%	20.2x	2.8x
S&P 500	Mỹ	7,620 ▼	-0.48%	11.3%	26.1x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	52,421 ▼	-0.29%	9.1%	22.9x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,649 ▼	-0.46%	7.2%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,235 ▼	-0.41%	7.7%	17.0x	2.4x
DXV		99.6 ▬	0.50%	1.3%		
USDVND		25,988 ▬	0.050%	-1.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

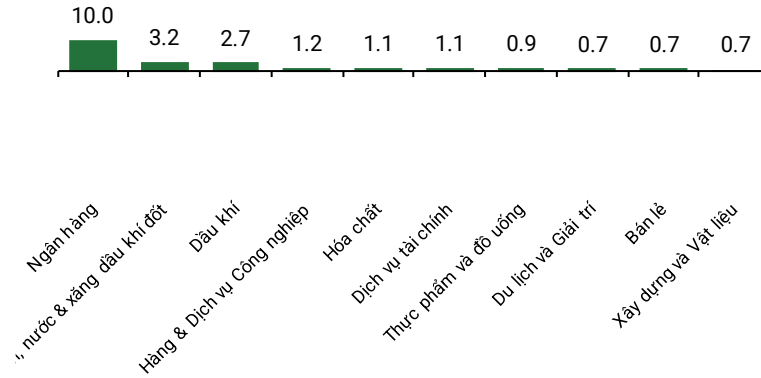
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▲	1.67%	21.4%	76.6%	59.3%
Dầu WTI	▲	2.17%	25.7%	80.4%	63.6%
Khí gas	▼	-0.4%	5.6%	-21.7%	-5.2%
Than cốc (*)	▬	0.0%	26.6%	48.6%	54.0%
Thép HRC (*)	▼	-0.1%	2.1%	1.6%	-2.9%
PVC (*)	▬	0.6%	8.2%	7.5%	0.7%
Phân Urea	▬	0.0%	16.5%	22.8%	13.1%
Cao su thiên nhiên	▼	-1.2%	7.1%	30.9%	35.1%
Bông Cotton	▬	0.2%	-3.3%	25.7%	23.5%
Đường	▬	0.6%	10.0%	21.7%	14.1%
World Container Index	▬	0.0%	3.2%	102.3%	119.0%
Baltic Dirty tanker Index	▲	7.7%	57.7%	227.9%	283.4%
Vàng	▼	-0.59%	-2.3%	-1.0%	16.2%
Bạc	▼	-0.13%	-2.4%	-11.9%	48.0%

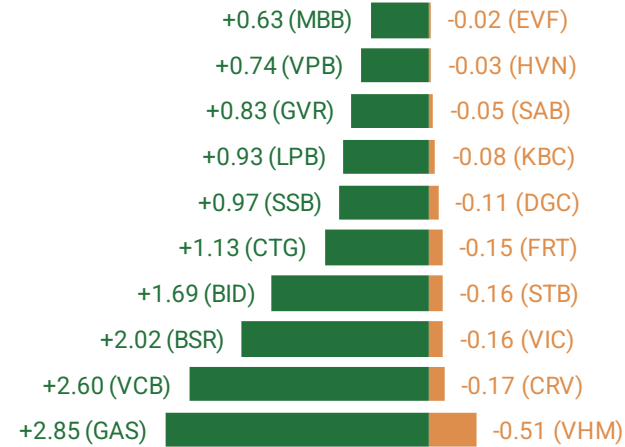
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

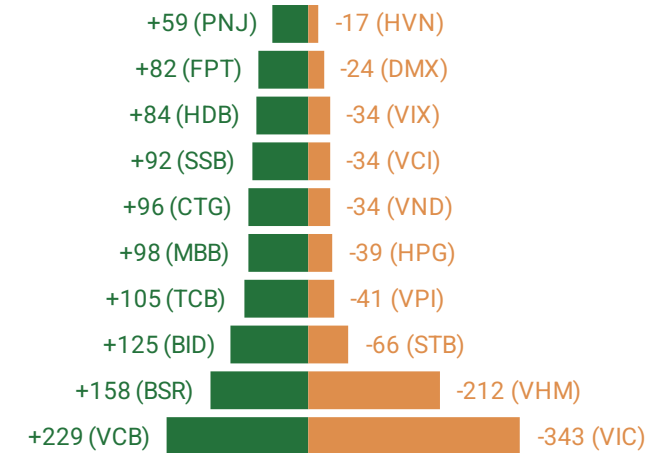
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



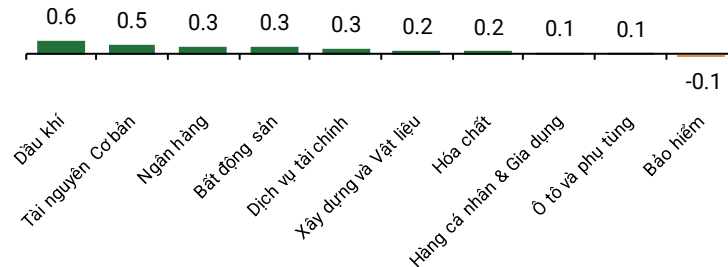
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



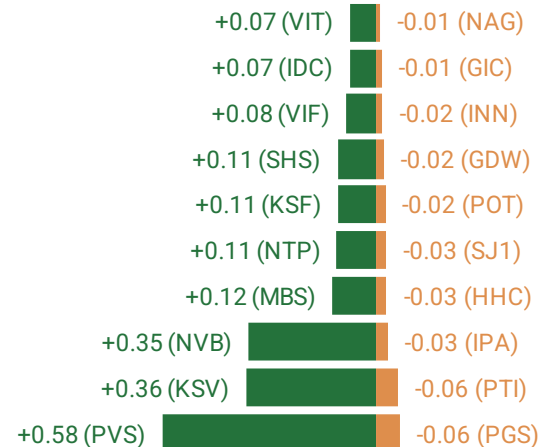
TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



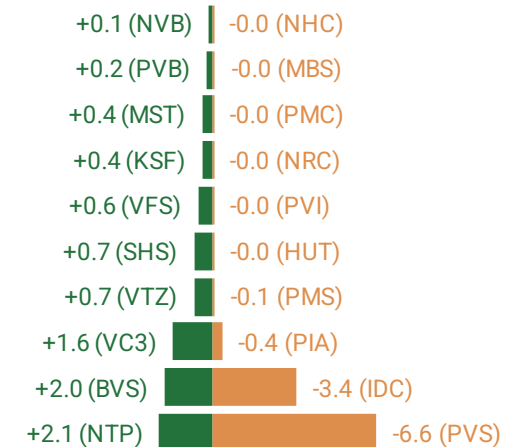
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



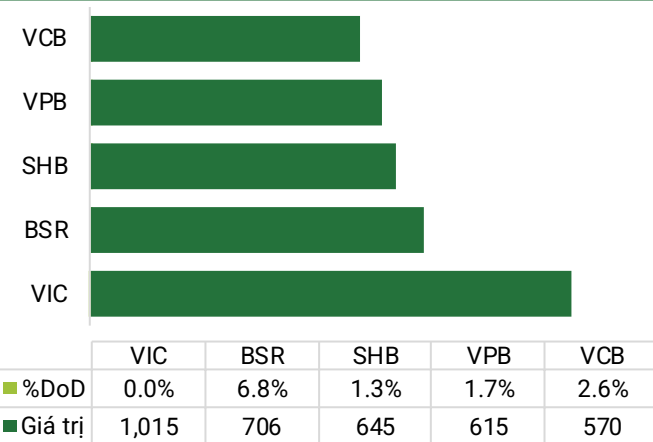
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



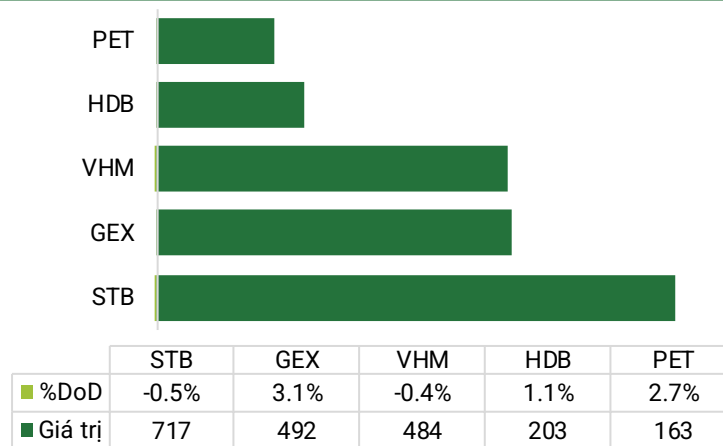
TOP CỔ PHIẾU NGẪN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

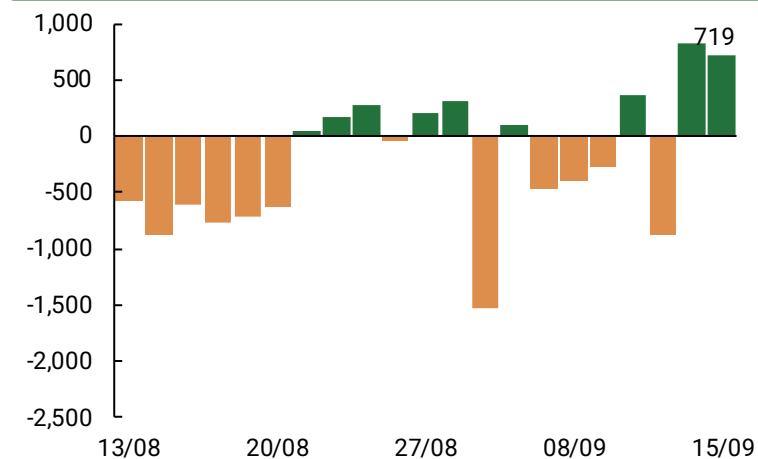


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

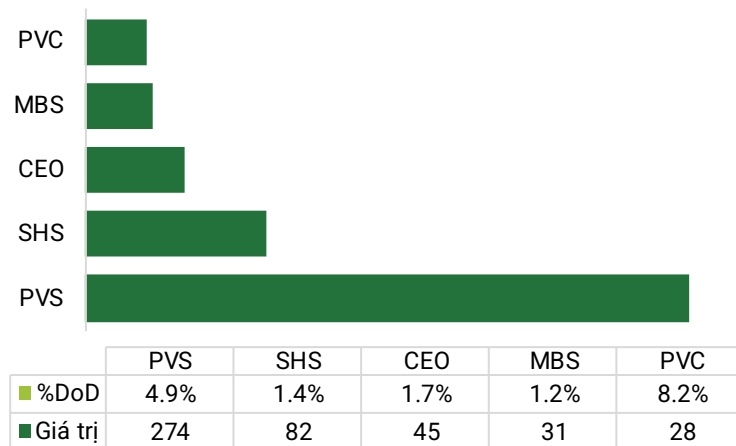


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

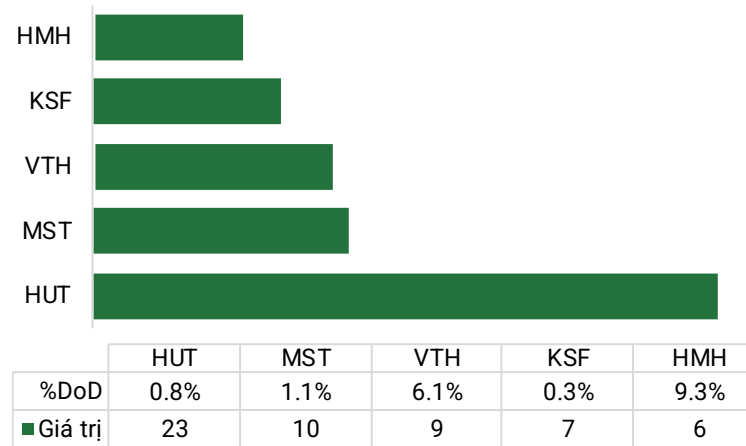
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



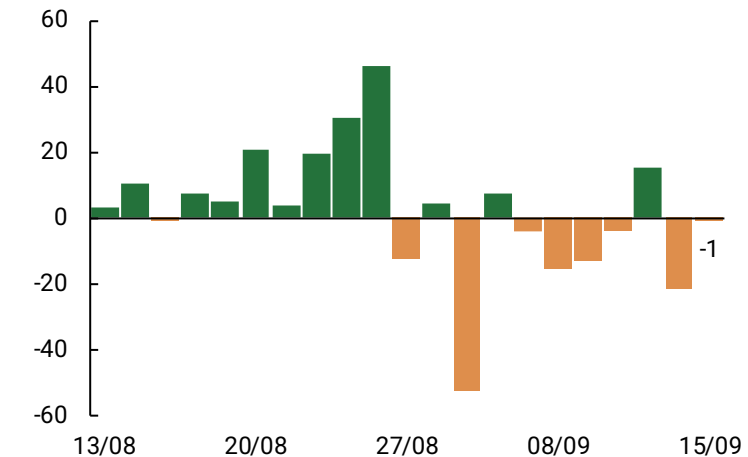
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol ngang mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1780.
- ✓ Kháng cự: 1860 - 1880.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.

Kịch bản: Phản ứng bật tăng từ vùng hỗ trợ 1780–1800 điểm phù hợp về mặt kỹ thuật. Tuy nhiên, thanh khoản chưa cải thiện tương xứng cho thấy dòng tiền vẫn thận trọng. Vùng cản 1830–1840 điểm sẽ quyết định khả năng hồi phục của chỉ số. Nếu bứt phá thành công, VN-Index có thể thoát khỏi nhịp điều chỉnh; trái lại, tín hiệu suy yếu tại đây sẽ cảnh báo rủi ro điều chỉnh trở lại. Ngưỡng hỗ trợ duy trì xu hướng bên dưới vẫn quanh mức 1770 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân lớn, vol trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1860 | 1920
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Hạ nhiệt củng cố đà đi lên.

Kịch bản: Phản ứng bật tăng từ vùng hỗ trợ 1930–1940 điểm phù hợp về mặt kỹ thuật. Tuy nhiên, thanh khoản chưa cải thiện tương xứng cho thấy lực cầu vẫn thận trọng. Vùng cản 1960–1980 điểm sẽ quyết định khả năng hồi phục của chỉ số. Nếu bứt phá thành công, VN30 có thể thoát khỏi nhịp điều chỉnh; trái lại, tín hiệu suy yếu tại đây sẽ cảnh báo rủi ro điều chỉnh trở lại. Ngưỡng hỗ trợ duy trì xu hướng bên dưới quanh mức 1920 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	PLX	BUY	Current price		37.35	P/E (x)	26.7
Exchange	HOSE		Action price	15/09	36.2 - 36.7	P/B (x)	1.9
Sector	Exploration & Production		Target price		40	EPS	1400.0
			Cut loss		34.6	ROE	7.0%
						Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vượt ngưỡng MA20 ngày thuyết phục.
 - Thanh khoản tăng cho thấy lực mua chủ động.
 - Chỉ báo MACD thu hẹp đường signal, cùng RSI quay trở lại trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - Khu vực MA50 bên dưới giữ vai trò hỗ trợ mạnh.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và giá khả năng quay lại quán tính tăng
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	PVD	BUY	Current price		19.65	P/E (x)	9.2	
			Action price	15/09	19.2 - 19.5	P/B (x)	0.6	
Exchange	HOSE		Target price		21.5	11.1%	EPS	2138.8
			Cut loss		18.3	-5.4%	ROE	7.1%
Sector	Oil Equipment & Services						Stock Rating	BB
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá vượt cản 19.5 thuyết phục.
 - Thanh khoản tăng cho thấy lực mua chủ động.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường signal, cùng RSI quay trở lại trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
 - MA20 cắt lên MA50 giúp củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh yếu dần và giá khả năng quay lại quán tính tăng
- ➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá hành động	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	PLX	Mua	15/09/2026	37.35	36.2 - 36.7	-	40	9.7%	34.6	-5.1%	Cập nhật trên Elite Picks
2	PVD	Mua	15/09/2026	19.65	19.2 - 19.5	-	21.5	11.1%	18.3	-5.4%	Cập nhật trên Elite Picks

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
-----	-------	-------------	------------------	---------------------------	--------------	---------------	----------------	--------------	------------	------------	-------------	---------



Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1948.1, tăng 17.2 điểm (+0.9%). Giá phục hồi trong phần lớn thời gian giao dịch.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD cải thiện nhưng còn nằm ở miền âm, trong khi RSI phục hồi nhưng cũng chưa vượt trên ngưỡng trung bình, hàm ý áp lực điều chỉnh vẫn có dư địa chi phối. Giá khả năng tiếp tục rung lắc kiểm định thêm vùng 1940 – 1950. Vị thế Long cân nhắc khi vận động củng cố trên ngưỡng 1952. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1939.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1848.9, tăng 17.2 điểm (+0.9%). Độ lệch basis 1.9 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 36 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1840 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1860 điểm.

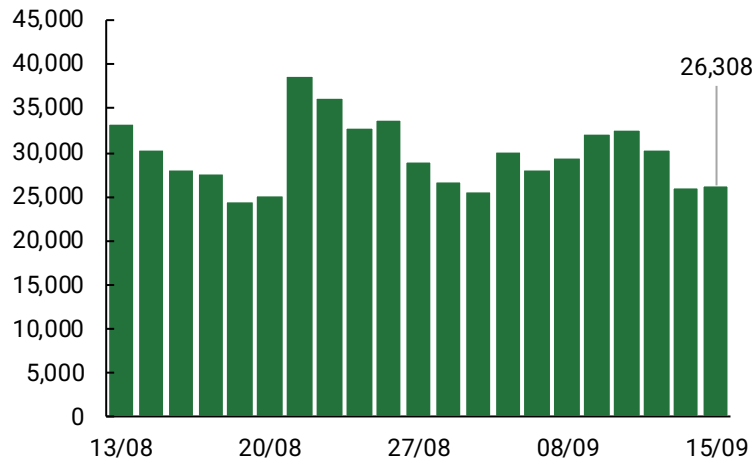
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/Rủi ro
Short	< 1939	1925	1946	14 : 7
Long	> 1952	1966	1945	14 : 7

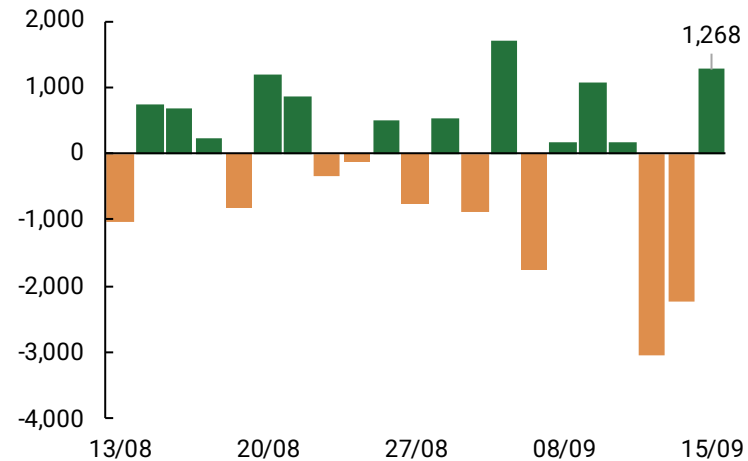
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111H3000	1,942.5	17.3	16	258	1,968.6	-26.1	18/03/2027	184
4111GC000	1,942.1	12.2	46	661	1,960.0	-17.9	17/12/2026	93
4111GA000	1,944.6	13.7	4,143	6,326	1,954.0	-9.4	15/10/2026	30
4111G9000	1,948.1	17.2	207,863	26,308	1,951.3	-3.2	17/09/2026	2
4112G9000	1,848.9	17.2	36	52	1,847.2	1.7	17/09/2026	2

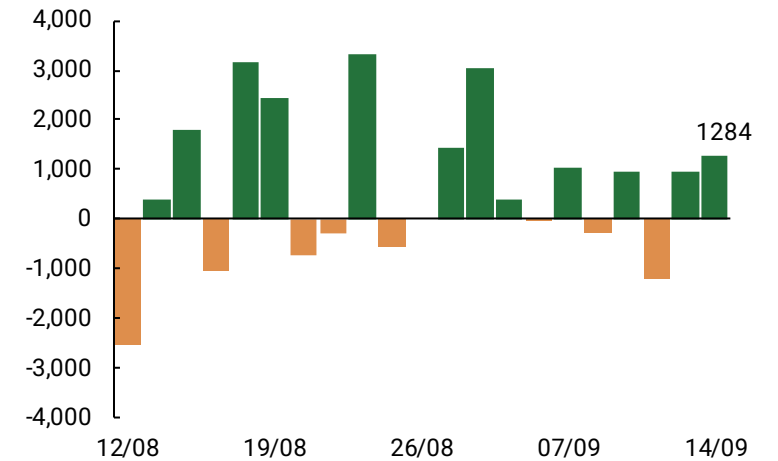
Khối lượng mở (Open interest)



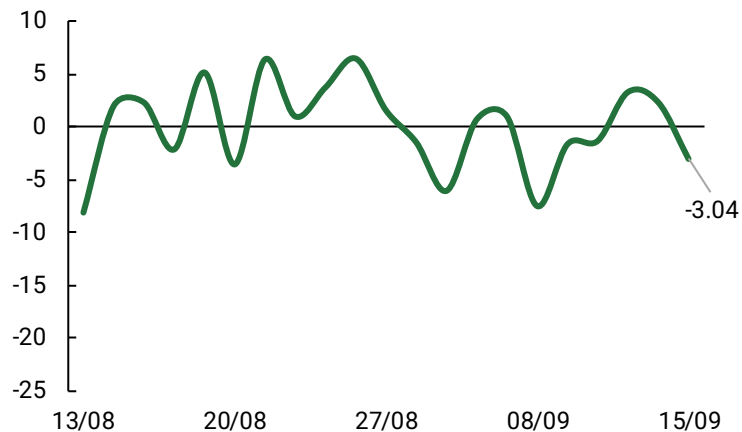
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



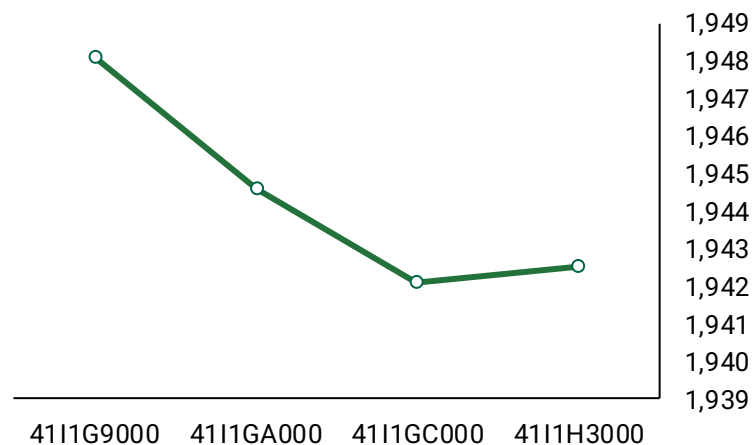
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



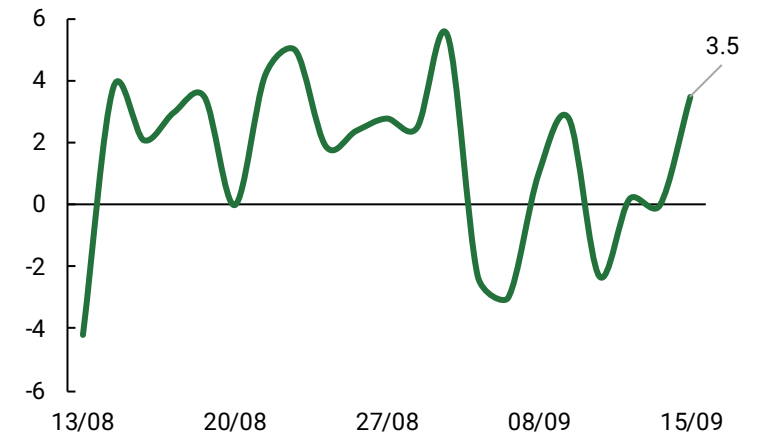
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



- 01/09 Mỹ, Việt Nam – Chỉ số PMI
Việt Nam – Danh mục MSCI có hiệu lực
- 03/09 Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô tháng 8/2026
- 04/09 Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 09/09 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10 – Mỹ – Chỉ số PPI, CPI
- 11/09 EU – ECB công bố lãi suất
- 12/09 Việt Nam – VNM ETF công bố danh mục
- 15/09 Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp, Doanh số bán lẻ
- 17/09 Mỹ – Fed công bố lãi suất
Việt Nam – Đáo hạn HĐTL
- 21/09 Trung Quốc – Lãi suất LPR
Việt Nam – Chính thức nâng hạng FTSE Russell
- 24/09 Thượng đỉnh Mỹ - Trung
Thụy Sĩ – SNB công bố lãi suất
- 30/09 Mỹ – GDP Q2 lần 3, Chỉ số PCE

THÔNG TIN VĨ MÔ

BRICS không lập đồng tiền chung, nhưng tiếp tục thúc đẩy thanh toán nội tệ: Tuyên bố New Delhi của các lãnh đạo BRICS không đề xuất một đồng tiền chung và cũng không đặt mục tiêu thay thế USD. Thay vào đó, các nước thành viên muốn tăng sử dụng nội tệ, kết nối hệ thống thanh toán và xây dựng các kênh giao dịch có thể duy trì hoạt động ngay cả khi một nước bị hạn chế tiếp cận mạng lưới tài chính do phương Tây chi phối. Nhóm công tác thanh toán BRICS được giao tiếp tục nghiên cứu khả năng kết nối các kênh thanh toán, truyền thông tài chính và tăng sử dụng tiền tệ của các nước thành viên.

Fed chịu áp lực tăng lãi suất khi xác suất thị trường lên gần 90%: Sau khi CPI lõi tháng 8 của Mỹ tăng 0.3% so với tháng trước, cao hơn dự báo, thị trường nâng xác suất Fed tăng lãi suất tại cuộc họp ngày 15–16/9 lên trên 85%, từ khoảng 70% trước đó. Một số tổ chức như TD Bank và JPMorgan Chase đã điều chỉnh dự báo theo hướng Fed sẽ tăng lãi suất. Bài viết cũng cho biết trong cuộc họp tháng 7, Fed giữ nguyên lãi suất nhưng có 3 thành viên phản đối và muốn tăng thêm 0.25 điểm phần trăm.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

ABB - Được NHNN chấp thuận tăng vốn lên gần 27,000 tỷ đồng: ABBank được NHNN chấp thuận tăng vốn điều lệ thêm tối đa hơn 10,765 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu và ESOP. Sau khi hoàn tất, vốn điều lệ của ngân hàng dự kiến đạt hơn 26,833 tỷ đồng. Nửa đầu năm 2026, ABBank ghi nhận LNTT 3,016 tỷ đồng, tăng 80% YoY.

BVB - Sắp chào bán hơn 320 triệu cổ phiếu: BVBank dự kiến chào bán hơn 320.4 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tương ứng tổng giá trị chào bán hơn 3,204 tỷ đồng. Nếu hoàn tất cùng phương án ESOP, vốn điều lệ của ngân hàng sẽ tăng từ 6,408 tỷ đồng lên khoảng 9,912 tỷ đồng, tương ứng tăng gần 54.7%. Đây là đợt tăng vốn có quy mô lớn nhất của BVBank từ trước đến nay.

BWE - Tiếp tục chào bán hơn 6.6 triệu cổ phiếu: Biwase đã chào bán được gần 24.8 triệu cổ phiếu và tiếp tục phân phối hơn 6.6 triệu cổ phiếu còn lại với giá 37,000 đồng/cp. Tổng số tiền huy động dự kiến hơn 1,162 tỷ đồng, dùng để trả nợ vay, đầu tư nhà máy điện rác 24 MW và mua cổ phần Cấp nước Ninh Thuận. Nếu phát hành thành công, vốn điều lệ BWE sẽ tăng lên hơn 2,513 tỷ đồng.

VOS - Sắp chi khoảng 126 tỷ đồng trả cổ tức: VOSCO thông qua phương án trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt tỷ lệ 9%, tương ứng 900 đồng/cp. Với 140 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến chi khoảng 126 tỷ đồng cho đợt cổ tức này. Nửa đầu năm 2026, VOS ghi nhận LNTT gần 59 tỷ đồng, đảo chiều so với khoản lỗ gần 44 tỷ đồng cùng kỳ.

VAB - Huy động hơn 1,174 tỷ đồng trái phiếu đợt 2: VietABank dự kiến chào bán gần 11.8 triệu trái phiếu kỳ hạn 7 năm, tổng giá trị theo mệnh giá hơn 1,174 tỷ đồng. Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm và đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2. Ngân hàng cũng dự kiến phát hành hơn 85.7 triệu cổ phiếu thưởng tỷ lệ 10.5% để tăng vốn điều lệ lên gần 9,021 tỷ đồng.

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
BSR	30,450	31,150	2.3%	Nắm giữ
CTG	30,550	40,700	33.2%	Mua
CTD	58,300	82,900	42.2%	Mua
DBD	47,000	66,000	40.4%	Mua
DDV	16,975	35,900	111.5%	Mua
DGW	46,300	47,500	2.6%	Nắm giữ
DPG	27,200	42,300	55.5%	Mua
DPR	37,750	46,500	23.2%	Mua
DRI	14,164	17,200	21.4%	Mua
EVF	11,500	14,400	25.2%	Mua
FRT	129,000	151,000	17.1%	Tăng tỷ trọng
GMD	76,500	88,900	16.2%	Tăng tỷ trọng
HAH	46,500	58,300	25.4%	Mua
HDG	15,850	30,900	95.0%	Mua
HHV	9,350	11,700	25.1%	Mua
HPG	21,200	31,600	49.1%	Mua
IMP	37,900	54,400	43.5%	Mua
KDH	15,600	38,800	148.7%	Mua
MCH	143,000	148,500	3.8%	Nắm giữ
MWG	71,200	115,600	62.4%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	20,000	27,500	37.5%	Mua
NLG	23,850	39,400	65.2%	Mua
NT2	20,500	27,700	35.1%	Mua
PHR	31,400	39,500	25.8%	Mua
PNJ	37,200	75,500	103.0%	Mua
PVS	34,200	33,250	-2.8%	Giảm tỷ trọng
PVT	22,800	26,000	14.0%	Tăng tỷ trọng
POW	12,450	17,500	40.6%	Mua
SAB	44,550	54,900	23.2%	Mua
SSI	20,650	31,200	51.1%	Mua
TLG	53,500	50,000	-6.5%	Giảm tỷ trọng
TCB	32,200	41,700	29.5%	Mua
TCM	16,400	35,300	115.2%	Mua
TRC	21,550	22,950	6.5%	Nắm giữ
VCB	60,000	79,700	32.8%	Mua
VPB	27,650	36,500	32.0%	Mua
VCG	14,500	23,300	60.7%	Mua
VHC	50,700	58,000	14.4%	Tăng tỷ trọng
VNM	59,700	66,650	11.6%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801